TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 29, 11/07 - 15/07/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Bóng ma suy thoái"

Thị trường chứng khoán toàn cầu trong tuần qua lao dốc khi lạm phát tại Mỹ tăng cao hơn dự kiến và tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc chững lại. Tại Mỹ, Chỉ số Dow Jones giảm 42.89 điểm, Nasdaq Composite trượt dốc 182.89 điểm. Trong tháng 6, giá xăng dầu tăng tới 11.2% đã kéo chỉ số CPI tăng vọt 9.1% - mức tăng cao nhất kể từ năm 1981. Tuy nhiên, một số mặt hàng trong rổ CPI đã bắt đầu hạ nhiệt như giá trứng gà và giá gỗ. Đáng chú ý, khoảng cách giữa đường lợi suất trái phiếu Mỹ 2 năm và 10 năm đã đạt cực đại, đây là tín hiệu được các nhà đầu tư đánh giá khả năng suy thoái.

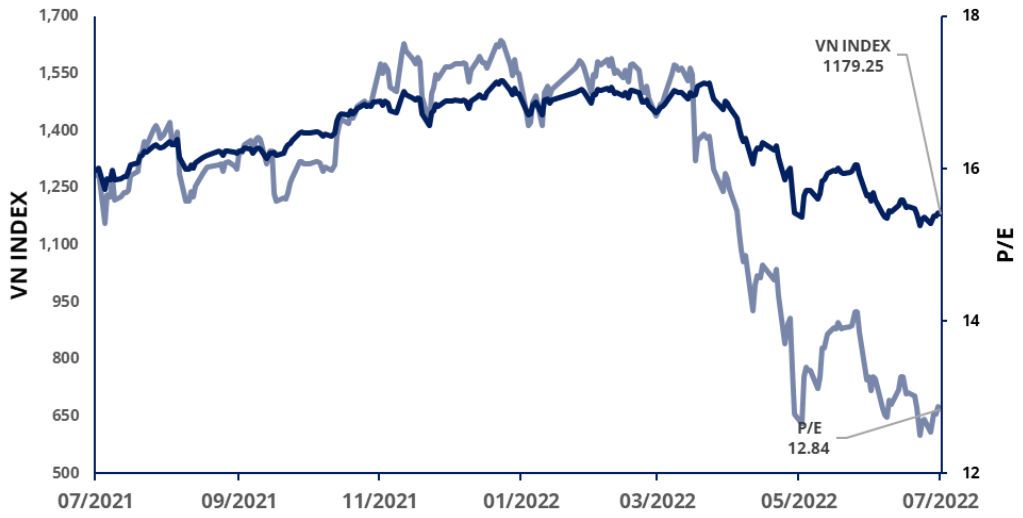
Tại châu Âu, chỉ số STOXX Europe 600 đã giảm nhẹ 0.8%, chỉ số DAX bay hơi 1.16% trong khi CAC 40 ngược dòng tăng nhẹ 0.05%. Nền kinh tế châu Âu đang đứng trước khả năng suy thoái khi nhiều nhà đầu tư lo lắng rằng đợt cắt giảm khí đốt sắp tới của Nga sẽ là giọt nước tràn ly. Tại châu Á, thị trường chứng khoán Nhật Bản có diễn biến tích cực khi Nikkei 225 tăng 1.02% khi thống đốc của BoJ khẳng định rằng sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ siêu mở rộng. Trong khi đó, thị trường chứng khoán Trung Quốc chìm trong sắc đỏ khi tốc độ tăng trưởng kinh tế trong quý 2 bắt đầu giảm tốc. Chỉ số Shanghai Composite trượt dài 3.8%, chỉ số CSI 300 bốc hơi 4.1%

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tuần qua đã phục hồi trở lại với sự cải thiện của thanh khoản. Kết tuần, chỉ số VN-Index tăng 7.94 điểm lên mốc 1179,55. Chỉ số HNX-Index tăng mạnh 6.6 điểm lên mức 284,40 điểm, trong khi đó UPCoM tăng 0,36 điểm lên ngưỡng 87,32.

Góc nhìn kỹ thuật cho thấy chỉ số VN-Index bật tăng trở lại sau khi kiểm tra ngưỡng hỗ trợ 1150. Lực cầu bắt đáy của các nhà đầu tư bắt đầu xuất hiện khi chỉ báo MFI và RSI tiệm cận khu vực quá bán. Khu vực kháng cự quan trọng của VN Index tiếp theo nằm ở khu vực 1200 điểm. Dự kiến, báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 được công bố trong thời gian tới sẽ quyết định xu hướng của thị trường

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,179	2.1	-2.9	-19.1	-21.2		12.8	2.0	200
Upcom Index	87	1.2	-1.5	-22.3	-22.2		13.9	1.6	50
HNX Index	284	2.7	0.4	-31.8	-39.1		14.8	1.7	12
VN30 Index	1,220	0.9	-2.6	-18.3	-19.9		10.6	2.1	139
S&P 500 Index	3,863	0.2	1.9	-12.1	-17.2		19.4	3.8	33,968
STOXX Europe 600 Index	414	-0.3	0.2	-10.0	-14.0		15.2	1.8	11,479
Hang Seng	20,298	-3.9	-4.7	-5.7	-16.8		7.5	0.8	2,774
Nikkei 225	26,788	-0.1	1.8	-1.1	-4.7		18.9	1.7	3,305
SHCOMP Index	3,228	-2.6	-2.3	0.5	-8.3		13.2	1.4	6,536
STI Index	3,099	-1.0	-0.2	-7.1	-5.6		13.2	1.1	340
KOSPI Index	2,331	-0.4	-4.8	-13.5	-20.2		10.0	0.9	1,337

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Giá trị giao dịch trên thị trường tiếp tục dưới ngưỡng trung bình 20 phiên giao dịch. Cụ thể, thanh khoản trung bình mỗi phiên đạt 10,035 tỷ, tăng 1.5% so với trung bình tuần trước đó.

Theo nhóm vốn hóa, cả ba nhóm vốn hóa đều có sự tăng trưởng so với tuần trước đó, nhóm mid cap và small cap tăng mạnh nhất với 3%. Về thanh khoản, nhóm Large cap có sự suy giảm, trong khi nhóm mid cap và small cap thu hút được sự chú ý của dòng tiền. Đáng chú ý, giá trị giao dịch của nhóm small cap tăng hơn 15%.

Các nhóm ngành trong tuần qua có sự phân hóa mạnh. Nổi bật nhất là nhóm nguyên vật liệu khi vốn hóa tăng trên 4%. Theo sau là nhóm ngành công nghiệp khi tăng 3.3%. Ở chiều ngược lại nhóm ngành Dịch vụ tiêu dùng trượt dốc sâu hơn 3%. Về thanh khoản, nhóm ngành công nghiệp và nguyên vật liệu tiếp tục dẫn đầu khi giá trị giao dịch tăng trên 10%. Trong khi đó, nhóm ngành công nghệ thông tin và tiện ích giảm sâu nhất trên 25%.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	0.3	-2.7	-18.5	-1.7	-12.2	-27.0	68.2	-2.2	12.7	2.1	4,014,150
Mid Cap	3.0	-2.6	-24.4	8.9	-6.8	-31.0	30.1	2.0	12.4	1.3	595,800
Small Cap	3.0	-5.0	-33.7	15.1	-11.7	-46.6	1.7	0.2	14.2	0.8	71,281

Theo ngành

Tên ngành	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Nguyên vật liệu	4.3	-4.8	-29.8	12.4	-12.8	-37.5	14.8	1.4	5.8	1.5	372,554
Công nghiệp	3.3	-3.6	-20.6	10.6	-14.4	-38.4	11.4	0.9	14.1	1.2	245,447
Dầu khí	2.2	-5.7	-27.0	-3.1	-39.3	-59.9	0.9	0.0	24.4	2.1	59,110
Tiện ích Cộng đồng	1.6	-15.9	7.4	-36.8	-57.6	-48.0	2.7	-1.6	15.3	2.2	316,166
Dược và Y tế	1.4	-2.7	-15.9	13.0	-3.8	-38.8	0.3	0.0	15.3	2.0	32,786
Tài chính	0.9	-3.5	-26.7	14.5	5.3	-14.8	35.5	4.0	17.4	1.9	1,243,499
Ngân hàng	0.1	2.4	-17.7	-7.2	-1.4	-21.6	16.9	-1.6	9.8	1.7	1,478,487
Hàng Tiêu dùng	-0.4	0.9	-15.7	-8.6	-11.9	-24.1	12.7	-1.4	16.4	2.6	594,264
Công nghệ Thông tin	-0.8	-7.5	0.3	-25.7	-44.3	-65.8	1.0	-0.4	19.3	3.1	104,899
Dịch vụ Tiêu dùng	-3.2	-9.3	-11.9	-25.0	-40.6	-47.3	3.9	-1.4	n.a	4.2	234,580

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Thông qua kênh ETF, các quỹ ETF nước ngoài bán ròng 3.94 triệu USD, quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF bán ròng 6.46 triệu USD trong khi quỹ Xtrckers FTSE Vietnam Swap ETF mua ròng 2.06 triệu USD. Ở chiều ngược lại, các quỹ trong nước tuần qua mua ròng 0.95 triệu USD, quỹ DCVFMVN30 ETF FUND bán 0.98 triệu đô la trong khi quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF mua 1.85 triệu USD.

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, thị trường Nhật Bản thu hút được tới 3.867 triệu USD. Trong khi đó, thị trường Ấn Độ bị rút ròng 479 triệu USD. Tại thị trường Việt Nam, dòng vốn ngoại bán ròng 19 triệu USD.

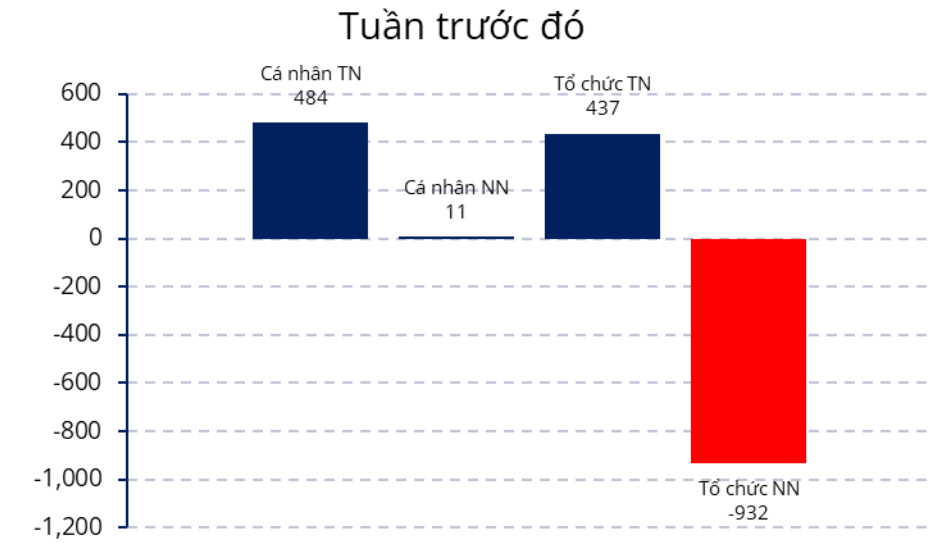
Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**2,774**	**-2.99**	**35.80**	**133.1**	**99.8**
Nước ngoài	**1,680**	**-3.94**	**32.33**	**94.6**	**165.1**
VanEck Vectors Vietnam ETF	369	-6.46	-8.72	-14.4	-9.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	544	0.45	39.80	168.8	428.0
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	346	0.00	0.00	-38.4	-42.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	259	2.06	1.25	-4.0	-108.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	124	0.00	0.00	-17.0	-105.9
Premia MSCI Vietnam ETF	22	0.00	0.00	-0.5	-0.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	11	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	**1,094**	**0.95**	**3.47**	**38.5**	**-65.3**
DCVFMVN Diamond ETF	603	0.00	0.00	0.0	-112.6
DCVFMVN30 ETF Fund	321	-0.89	-0.96	26.7	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	122	1.85	4.43	8.9	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.00	2.9	37.6
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	9.7

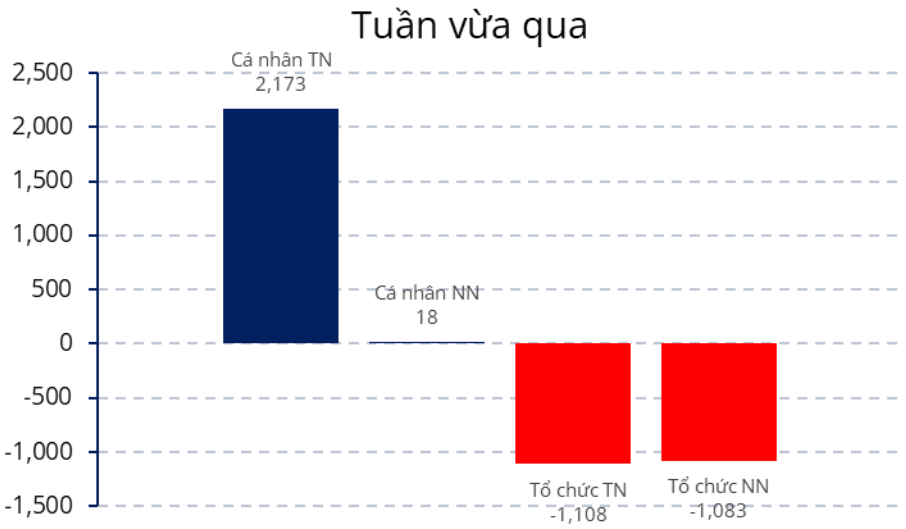
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-64,037	-116,788	-116,788
Ấn độ	-479	-949	-949	-29,506
Indonesia	-112	-286	-286	3,982
Nhật Bản	3,867	240	240	813
Maylaysia	-2	-33	-33	1,428
Philippines	-35	-65	-65	-840
Hàn Quốc	74	85	85	-16,002
Sri Lanka	0	1	1	-8
Đài Loan	-171	-493	-493	-34,562
Thái Lan	-2	14	14	3,456
Việt Nam	-19	-69	-69	-101

Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Về hoạt động giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 1,065 tỷ. Trong khi đó, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng 2,173 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, các nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng 1,108 tỷ.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	LCM	Tài nguyên Cơ bản	2.10 - 12.70	2.9	-14.41%
2	DTT	Hóa chất	11.10 - 18.00	13.7	-13.29%
3	TMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	43.48 - 124.90	73.2	-7.92%
4	DGW	Bán lẻ	34.25 - 91.11	52.5	-7.89%
5	FRT	Sản xuất nông nghiệp	19.33 - 116.67	73.3	-7.33%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.64%	58.2	23.50 - 61.40	Hóa chất	TNC
29.75%	24.0	17.50 - 45.00	Xây dựng và Vật liệu	HUB
22.31%	6.4	4.66 - 14.05	Thực phẩm và đồ uống	HNG
21.60%	7.2	5.10 - 18.45	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MHC
20.63%	6.4	4.80 - 20.60	Bất động sản	VPH

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	L40	Xây dựng và Vật liệu	17.20 - 45.40	17.2	-18.87%
2	MEL	Tài nguyên Cơ bản	11.10 - 21.90	11.7	-16.43%
3	APP	Hóa chất	6.30 - 17.80	6.5	-15.58%
4	PSW	Hóa chất	9.20 - 31.10	13.6	-13.38%
5	PGT	Du lịch và Giải trí	4.10 - 16.30	5.2	-10.34%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.68%	11.5	3.80 - 41.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CMS
20.75%	6.4	3.20 - 23.90	Bất động sản	PVL
20.44%	21.8	16.00 - 62.58	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	IPA
20.41%	5.9	3.60 - 12.10	Xây dựng và Vật liệu	SVN
19.85%	15.7	9.87 - 63.00	Dịch vụ tài chính	APS

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	VDN	Hàng cá nhân & Gia dụng	10.40 - 24.00	10.4	-43.17%
2	GTD	Hàng cá nhân & Gia dụng	10.20 - 28.10	11.4	-32.94%
3	CFV	Thực phẩm và đồ uống	9.30 - 12.80	9.3	-27.34%
4	AMP	Y tế	10.90 - 19.60	10.9	-27.33%
5	HLS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.80 - 36.00	20.2	-25.19%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
41.78%	31.9	22.50 - 43.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MQN
39.86%	19.3	8.10 - 39.60	Xây dựng và Vật liệu	BMN
36.84%	13.0	8.20 - 17.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DVC
36.13%	16.2	5.80 - 28.50	Hàng cá nhân & Gia dụng	LGM
31.82%	2.9	1.90 - 3.90	Xây dựng và Vật liệu	PTE

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	TDP	Công ty Thuận Đức	Thực phẩm và đồ uống	964	1,360.6	28.8	21.10 - 29.45	4.9
2	THI	Thiết bị điện	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	16	445.8	25.0	23.35 - 33.80	3.5
3	HNG	Nông nghiệp Quốc tế HAGL	Thực phẩm và đồ uống	67,536	339.4	6.4	4.66 - 14.05	22.3
4	OPC	Dược phẩm OPC	Y tế	1,180	331.3	58.8	52.60 - 63.40	2.6
5	D2D	Phát triển Đô thị số 2	Bất động sản	10,284	318.2	39.1	37.70 - 72.00	0.3
6	BMP	Nhựa Bình Minh	Xây dựng và Vật liệu	1,244	229.5	56.0	49.20 - 65.70	-1.6
7	SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	Thực phẩm và đồ uống	432	225.1	43.5	39.10 - 44.40	6.2
8	PGD	PV GAS D	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	211	224.0	31.1	28.00 - 44.00	-0.3
9	HAX	Ô tô Hàng Xanh	Ô tô và phụ tùng	12,705	189.5	22.4	16.20 - 40.30	14.0
10	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	283	173.4	39.3	34.00 - 54.00	2.5

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	108.55	1.44	3.22	8.20	13.46	
VND/USD	23,400	0.18	0.86	2.18	2.51	
KRW/USD	1,326.20	1.98	2.78	7.84	11.55	
JPY/USD	138.81	1.99	3.71	9.77	20.62	
EUR/USD	1.00	1.55	4.14	7.82	13.37	
SGD/USD	1.40	0.40	1.31	3.49	4.11	
CNY/USD	6.76	0.98	0.67	6.10	6.35	

Hàng hóa

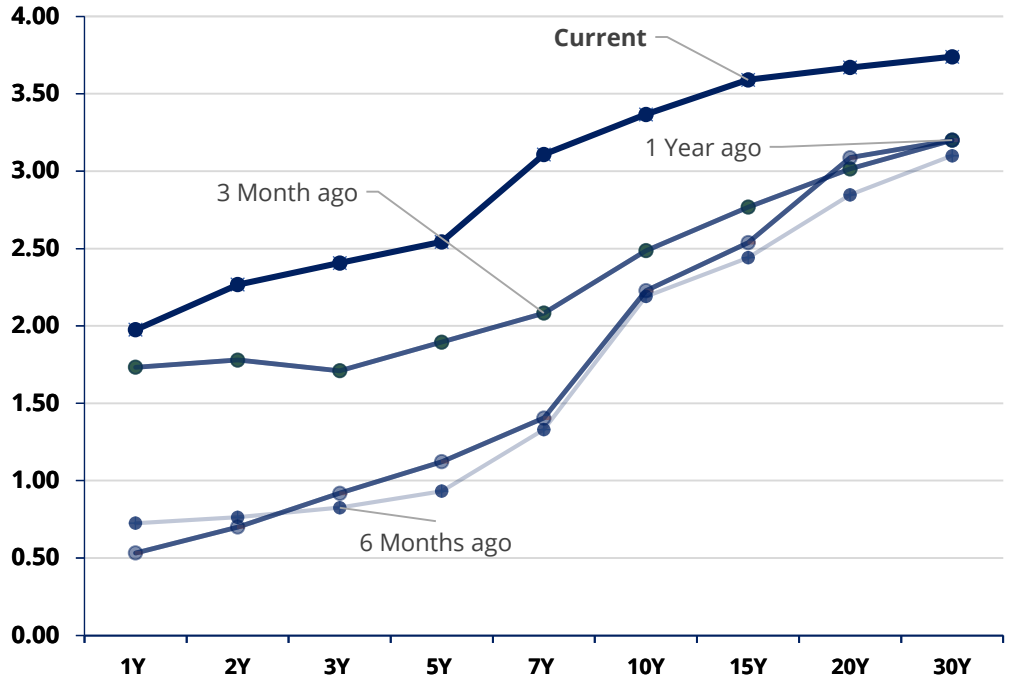
	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	95.77	-8.61	-16.95	-10.45	27.34	
Xăng	317.80	-7.81	-18.39	-6.02	42.61	
Gas	6.63	9.89	-10.63	-9.16	77.77	
Than	416.35	1.55	8.57	34.70	145.49	
Vàng	1,704.55	-2.18	-7.05	-13.84	-6.81	
Bạc	18.32	-5.14	-15.52	-28.28	-21.39	
Platinum	844.05	-5.67	-10.51	-14.99	-12.87	
Quặng sắt	106.01	-7.93	-24.33	-31.91	-5.77	
Thép cán	4,375.00	-0.48	-10.16	-16.36	-7.88	
Lúa mì	797.25	-9.33	-24.07	-27.29	3.44	
Ngô	607.00	-22.00	-21.58	-23.19	2.32	
Gỗ	640.00	-4.19	18.96	-28.01	-44.25	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.